

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2022

V/v “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Tùng.

Ông Ngô Hoàng Bá.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên sơ cấp - Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị D, sinh năm 1976 (*Có mặt*).

Bị đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1977 (*Có mặt*).

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: Cháu Ngô Công H, sinh ngày 25/5/2005 (*Vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

(*Giám hộ cho cháu H có bà D là mẹ ruột*).

Cùng nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

Về tình cảm: Bà và ông T đến với nhau do mai mối, có thời gian tìm hiểu khoảng 01 tháng tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn ngày 26/01/2007 tại UBND xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng đến 10/2021 mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kinh tế, tính tình không phù hợp,

vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà và ông T sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân bà và ông T không ai chủ động hàn gắn được tình cảm. Nay bà không còn tình cảm với ông T nên xin được ly hôn với ông T.

Về con: Bà và ông T có 03 con là Ngô Thị Mỹ D1, sinh năm 1996; Ngô Thị N sinh năm 1999 và Ngô Công H sinh ngày 25/5/2005. Chị D1 và chị N đã lớn có gia đình riêng, có năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu H đang sống chung với ông T, bà đồng ý giao cháu H cho ông T nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 745.000đồng/tháng khi án có hiệu lực cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung riêng và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày như sau:

Về tình cảm: thống nhất lời trình bày của bà D về thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, thời gian tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn như bà D trình bày là hoàn toàn đúng.

Ông cũng thống nhất lời trình bày của bà D về nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn và thời gian ly thân là đúng. Tuy nhiên, theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do ông đi làm xa nên bà D có tình cảm với người khác từ đó mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Bà D xin ly hôn với ông, ông đồng ý do không còn tình cảm.

Về con chung: có 03 con là Ngô Thị Mỹ D1, sinh năm 1996; Ngô Thị N sinh năm 1999 và Ngô Công Hậu sinh ngày 25/5/2005. Chị D1 và chị N đã lớn có gia đình riêng, có năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu H từ khi vợ chồng ly thân đến nay ông là người trực tiếp nuôi cháu H. Khi ly hôn ông T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Hậu và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, nợ chung riêng và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi ích được bảo vệ cháu Hậu vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau: cháu là con của nguyên đơn và bị đơn, cha mẹ ly hôn cháu không có ý kiến. Khi ba mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn tiếp tục sống chung với sống T không yêu cầu gì đối với bà D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà D, ông T. Về con: có 03 con là Ngô Thị Mỹ D1, sinh năm 1996; Ngô Thị N sinh năm 1999 và

Ngô Công H sinh ngày 25/5/2005. Chị D và chị N đã lớn có gia đình riêng, có năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Giao con chung là cháu H cho ông Tiếp tục nuôi dưỡng. Công nhận bà D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 745.000đồng/tháng khi án có hiệu lực cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, riêng và nợ: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tình cảm: Hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 26/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình sống chung bà D, ông T phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được. Bà D thì cho rằng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình nên thường hay cãi nhau. Còn ông T thì cho rằng do công việc hay đi xa nhà nên nghi ngờ tình cảm của bà D dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà D và ông T đã ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay nhưng không hàn gắn được tình cảm. Điều đó cho thấy tình cảm của ông, bà chưa đủ lớn để vượt qua thử thách trong đời sống hôn nhân, phù hợp với “*Biên bản xác minh*” ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh lập. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đồng ý ly hôn không trái quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về con chung: Nguyên bị đơn có 03 người con chung là Ngô Thị Mỹ D1, sinh năm 1996; Ngô Thị N sinh năm 1999 và Ngô Công H sinh ngày 25/5/2005. Chị D1 và chị N đã lớn có gia đình riêng, có năng lực hành vi dân sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Các đương sự thừa nhận từ khi ly thân đến nay cháu H do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn ông T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H được bà D đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Do đó, giao cháu H cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông T không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nhưng bà D tự nguyện cấp dưỡng nuôi 745.000đồng/tháng khi án có hiệu lực cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp pháp luật nên công nhận.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không

xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Công nhận bà D tự nguyện nộp theo quy định pháp luật, bà D phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị D và ông Ngô Văn T.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu Ngô Công Hsinh ngày 25/5/2005 cho ông Ngô Văn T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng công nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị D về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 745.000đồng (*Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*)/tháng tính từ khi án có hiệu lực cho đến khi cháu Hậu đủ 18 tuổi.

Về án phí: Bà Dương Thị D tự nguyện nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006082 ngày 27/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, bà D không phải nộp thêm án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Dương Thị D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho bà D không ai được quyền ngăn cản bà D thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân

- TAND TP Cần Thơ
- VKS huyện Vĩnh Thạnh
- Thi hành án huyện Vĩnh Thạnh
- Các đương sự.
- Lưu HS